

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán: Mua sắm vật tư trang thiết bị chuyên ngành Xe máy - Vận tải.
- Tên gói thầu: Mua sắm vật tư trang thiết bị chuyên ngành Xe máy - Vận tải.
- Nội dung gói thầu: Mua sắm vật tư trang thiết bị chuyên ngành Xe máy - Vận tải.
- Địa điểm thực hiện: Hà Nội, Hải Phòng, Nghệ An, Đà Nẵng, Cà Mau, Hồ Chí Minh, Đồng Nai, An Giang.
- Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước; Ngân sách QP năm 2026.
- Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng.
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 90 ngày.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý III, năm 2026.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1 Yêu cầu chung

Yêu cầu về chất lượng: Các sản phẩm nhà thầu cung cấp phải là mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2025 trở lại đây.

- Thời gian bảo hành: Đối với trang thiết bị là 24 tháng; đối với vật tư hàng hoá là 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao.

1.2.2 Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

Trong bảng yêu cầu kỹ thuật cụ thể có tên hàng hóa và hãng sản xuất, nhà thầu có thể chào hàng hóa đó hoặc khác nhưng phải tương đương hoặc cao hơn. Hàng hóa chào thầu phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Máy rửa xe áp lực cao bằng nước lạnh 3 pha	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Nguồn điện (Ph/V/Hz): 3 / 376 - 424 / 50 - Lưu lượng (l/h): 500 - 1000 - Nhiệt độ nước vào tối đa (°C): 60 - Áp lực vận hành (bar): 80 - 250 - Áp lực tối đa (bar): 280 - Công suất (kW): 8,8. - Xuất xứ: Châu Âu.

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
2	Máy rửa xe áp lực cao bằng nước lạnh 1 pha	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Nguồn điện (Ph/V/Hz): 1 / 230 / 50 - Lưu lượng (l/h): 450-600 - Nhiệt độ nước vào tối đa (°C): 60 - Áp lực vận hành (bar/MPa): 70 - 150 - Áp lực tối đa (bar/MPa): 190 - Công suất (kW): 3,4 - Súng phun công thái học. - Xuất xứ: Châu Á.
3	Máy nén khí cơ động loại dùng điện 1 pha	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Áp suất làm việc tối đa: $\geq 28/406$ (bar/PSI) - Lưu lượng khí nén tối đa: ≥ 225 lít/phút. - Công suất: 3/2,2 Hp/kW - Nguồn cấp điện: 230/50 Volt/Hz - Bình tích: 10+10 lít. - Xuất xứ: Châu Âu.
4	Máy nén khí 3 pha 15 bar/10HP không bao gồm máy sấy	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Áp suất làm việc tối đa: ≥ 15 bar - Lưu lượng khí nén tối đa: ≥ 670 lít/phút - Công suất: ≥ 10 Hp - Nguồn cấp điện: 3 pha - Bình tích: 270 lít - Có xả đáy tự động. - Xuất xứ: Châu Âu.
5	Thiết bị kiểm tra nền điện (đánh lửa)	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Màn hình hiển thị: color TFT - Đầu dò linh hoạt: ≥ 30 cm - Nguồn: Pin sạc - Dải tốc độ đo: 120 – 19,999 rpm - Điện áp đánh lửa: 0 to 50 kV - Thời gian đánh lửa: 0 to 10.0 ms - Thời gian ngậm điện: 0 to 10.0 ms. - Xuất xứ: G7.
6	Máy nạp ắc quy và hỗ trợ khởi động	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Điện áp nguồn: 400V 2 pha - Điện áp nạp 12/ 24 V - Dòng nạp tối đa: 150 A - Dòng khởi động tối đa: 2600A. - Xuất xứ: Châu Á.
7	Tủ đồ nghề chuyên dụng 585 chi tiết	<u>Tính năng kỹ thuật chính:</u> - 01 tủ đồ nghề 7 ngăn - 01 tủ đồ nghề 3 ngăn

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		- Bộ lục giác bông 10 chi tiết: 9 lục giác và 1 tay vặn; Bộ lục giác 9 chi tiết; 09 đầu tuýp lục giác bông 1/4" 5 cạnh; 06 đầu tuýp lục giác bông 1/4"; 03 đầu tuýp lục giác bông 3/8"; 03 đầu tuýp lục giác bông 1/2"; Đầu khẩu 6 cạnh: – gồm 12 chi tiết; Đầu khẩu 6 cạnh hệ inch – gồm 12 chi tiết; Đầu lục giác sao: – gồm 6 chi tiết; Đầu khẩu 6 cạnh dài – gồm 12 chi tiết; Đầu lục giác sao dài – gồm 11 chi tiết; Đầu khẩu lục giác: – gồm 6 chi tiết; Đầu khẩu chữ thập – gồm 4 chi tiết; Đầu khẩu xẻ rãnh – gồm 3 chi tiết; Thanh nối socket dài 2 inch, 4 inch; Thanh nối socket có lò xo; Thanh vặn khẩu trượt; Thanh vặn socket có tay cầm cao su; Đầu lắ léo; Cần tay quay tự động lắ léo; Bộ cờ lê mở ống dầu 10 chi tiết; Đầu mở 3/8" ; Đầu mở 1/2" ; Bộ đầu tuýp 3/8" 23 chi tiết; Bộ đầu khẩu 6 cạnh; Thanh nối socket dài 1-3/4 inch, 3 inch, 6 inch; 01 Đầu lắ léo; 01 Thanh vặn khẩu trượt; 01 Cần xiết tự động có tay cầm cao su; 01 Cần xiết chết; 01 Cần xiết cân lực đầu 3/8"; 01 Cần xiết đảo chiều đầu lắ léo 3/8"; 01 Cần xiết đảo chiều loại ngắn 3/8"; 03 tuýp mở bugi đầu 3/8" ; 02 Thanh nối dài đầu 3/8" ; Bộ tuýp dài 6 cạnh 3/8" ; Bộ đầu tuýp dài 3/8" ; Bộ đầu khẩu hoa khế gồm 11 chi tiết; Bộ đầu khẩu hoa khế dài gồm 11 chi tiết; Bộ đầu khẩu lục giác đầu hoa khế gồm 11 chi tiết; Bộ đầu khẩu đầu lục giác gồm 8 chi tiết; 01 kìm mở quạ 10 inch; 01 mỏ lếch 10 inch; 01 kìm chết 10 inch; 01 kìm mở phe trong; 01 kìm mở phe trong góc nghiêng 90°; 01 kìm mở phe ngoài; 01 kìm mở phe ngoài góc nghiêng 90°; 01 kìm mở nhọn mũi thẳng; 01 kìm mở nhọn mũi cong 45 độ; 01 kìm mở nhọn mũi cong 90 độ; 01 kìm mở nhọn đầu tròn 1/2"; 01 kìm cắt 7 inch; 1 kìm 2 lỗ 8 inch; 01 kìm mở nhọn 8 inch; 01 kìm mở nhọn góc nghiêng 8 inch; Thanh nối socket; Đầu lắ léo; Thanh vặn khẩu trượt; Cần xiết socket; Tay quay tự động có tay cầm cao su; Bộ đầu khẩu 6 cạnh ; Bộ đầu khẩu 1/2" dài 12 cạnh; 09 đầu tuýp lục giác sao ngoài 1/2"; 09 đầu tuýp lục giác 1/2"; 05 đầu tuýp lục giác sao 12 cạnh 1/2"; 01 đầu tuýp lục giác sao 12 cạnh 1/2" chuyên

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		dùng cho súng bắn ốc ; 01 đầu tuýp lục giác sao 12 cạnh 1/2” chuyên dùng cho súng bắn ốc ; Bộ đầu tuýt lục giác ; Bộ đầu tuýt có đầu hoa khế ; Bộ đầu tuýt có đầu lục giác bông ; Bộ đầu khâu hình sao gồm 9 chi tiết ; Bộ đầu khâu hình sao dài gồm 9 chi tiết ; Bộ cờ lê hình sao gồm 6 chi tiết ; Bộ cờ lê vòng miệng 14 chi tiết ; Bộ đầu đầu khâu lục giác hoa khế gồm 10 chi tiết ; Bộ đầu đầu khâu lục giác gồm 9 chi tiết ; Bộ đầu khâu đen 6 cạnh gồm 21 chi tiết ; 01 Đầu lắ léo; Bộ socket dài đen; Bộ socket đen ngắn; Đầu $\frac{3}{8} - \frac{1}{2}$ inch; Đầu chuyên $\frac{1}{2} - \frac{3}{8}$ inch; Đầu lắ léo; Bộ tuýp dài 06 cạnh $\frac{1}{2}$” ; 05 khâu $\frac{1}{2}$” 6 cạnh; 03 khâu $\frac{1}{2}$” 12 cạnh; Bộ cờ lê 2 đầu vòng nghiêng 45 độ; Bộ cờ lê vòng miệng; Bộ cờ lê vòng miệng; Bộ cờ lê; Đầu nối: $\frac{1}{4}$, $\frac{3}{8}$, $\frac{1}{2}$ inch.; Bộ cờ lê 2 đầu tuýp; Bộ tô vít đầu tuýp; Bộ tô vít bông ; bộ tô vít dẹp các cỡ ; bộ tô vít bake các cỡ; búa 1 đầu tròn 1 đầu bằng; 01 kéo cắt ron 8”; 01 hít ốc nam châm 3.5 LBS; 01 vít nạy nội thất; 01 thanh socket 7 mm.; 05 đục dẹp; 08 đục tròn; 01 mũi lấy dầu trung tâm tự động; 01 dũa sắt dẹp; 01 dũa bán nguyệt; 01 dũa tròn; 01 dũa tam giác; 01 dũa hình vuông; 01 vít đóng; 04 đầu vít ngắn 5/16” (36mm); 02 đầu vít pake ($\oplus$:#2,#3); 02 đầu vít pake ($\oplus$:#2,#3); 02 đầu vít dẹp ($\ominus$: 8,10mm); 04 đầu vít ngắn 5/16” (80mm); 02 đầu vít pake ($\oplus$:#2,#3); 02 đầu vít dẹp ($\ominus$: 8,10mm); 05 mũi khoan phá ốc vít hồng; 05 mũi khoan sắt; 03 dụng cụ tách đai ốc; 04 tuýt : 6,8,10,12mm; Súng vắn ốc 1/2”; Súng vắn ốc $\frac{3}{4}$”; Cle hơi $\frac{1}{4}$”; Thiết bị kiểm tra dầu thắng; Bộ kim bấm và đầu cot dây điện; Bút thử điện chuyên dùng; Thiết bị đo độ mòn lốp. - Xuất xứ: Châu Á.
8	Máy đo nồng độ cồn	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Tích hợp 2 trong 1: Thổi nhanh dùng phễu, và ngâm ống - Chế độ thổi ngâm ống: Normal, Phát hiện cồn trong miệng, Lấy mẫu đến khi thổi hết - Dải đo: 0.00 ~ 2.50 mg/L - Độ chính xác: ± 0.025 mg/L - Bao gồm: ống thổi, phễu thổi, máy in bluetooth

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		- Nguồn điện: 2 pin AA - Xuất xứ: Châu Á.
9	Cuộn dây hơi tự rút	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Đường kính dây hơi: ≥ 8 mm - Chiều dài dây: ≥ 15m - Có thể treo lên tường hoặc trần - Áp suất max: 1.4Mpa. - Xuất xứ: Châu Á.
10	Máy bơm lốp cầm tay	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Động cơ: 18V - Tốc độ luồng khí không tải: ≥ 40 l/p - Áp suất tối đa: 150 PSI. - Xuất xứ: Châu Á.
11	Bộ dụng cụ sửa chữa (Thùng đồ nghề xách tay 108 chi tiết)	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Bao gồm các chi tiết: - 11PC-1/4"DR.6PT tuýp; 13PC-1/2"DR.6PT tuýp; 2PC-1/4"DR thanh nối dài; 1PC-1/4"DR.cần xiết; 1PC-1/4"DR.khớp cardan; 1PC-1/4"DR. cần xiết tuavit; 1PC-1/4"DR.1/4" adapter tuýp; 1PC-1/2"DR.5" thanh nối dài; 1PC-1/2"DR. thanh trượt; 1PC-1/2"DR. cần xiết; 1PC-1/2"DR. khớp cardan; 4PC- đầu vít; 11PC-vít đầu sao; 3PC-đầu vít vuông; 6PC-SLOTTED; 8PC-lục giác; 1PC-60L khay đỡ đầu vít; Bộ khóa; Bộ tua vít; 1PC-kìm ống nước 10"; 1PC-kìm mũi dài 8"; 1PC-kìm mỏ quạ 8"; 1PC-kìm đa năng 7"; 1PC- đèn pin LED; 4PC-chốt lấy dầu; 1PC-cây đục: 16 x 170L; 1PC-5M thước dây; 1PC-kìm chết 10WR; 1PC-mỏ lét 10"; 1PC-búa sắt 1 1/2P; 1PC-thanh từ tính; 1PC-kéo cắt; 8PC-bộ lục giác. - Xuất xứ: Châu Á.
12	Bộ sản phẩm sơn phủ bề mặt chuyên dụng cho xe ô tô màu xanh mờ 2K cao cấp dùng cho 25m ²	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Chất phủ đặc chủng lót chống gỉ, 2 thành phần (Quy cách 01 bộ gồm 4 lít sơn lót và 01 lít chất kích hoạt) - Chất phủ đặc chủng lót điền đầy 2K (Quy cách 01 bộ gồm 4 lít sơn và 01 lít chất kích hoạt) - Chất phủ bề mặt 2K màu xanh mờ quân sự IM.1546. - Chất phủ bóng mờ 2K (Quy cách 01 bộ gồm 4 lít sơn bóng mờ và 02 lít chất kích hoạt) - Dung môi.

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		- Xuất xứ: Châu Á.
13	Sơn lót chống gỉ màu ghi	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Sơn lót chống gỉ màu ghi 01 thành phần - Quy cách đóng gói: Hộp 5 kg. - Xuất xứ: Châu Á.
14	Sơn màu phủ Đen mờ	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Sơn màu phủ Đen mờ 01 thành phần - Quy cách đóng gói: Hộp 5 kg. - Xuất xứ: Châu Á.
15	Sơn màu phủ Trắng mờ	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Sơn màu phủ Trắng mờ 01 thành phần - Quy cách đóng gói: Hộp 5 kg. - Xuất xứ: Châu Á.
16	Sơn nhũ chịu nhiệt 600 độ	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Sơn nhũ chịu nhiệt 600 độ - Quy cách đóng gói: Hộp 5 kg. - Xuất xứ: Châu Á.
17	Lớp 7.00R16	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Cỡ lớp: 700R16 - Hoa lớp: R200. - Xuất xứ: Châu Á.
18	Lớp 7.50R16	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Cỡ lớp: 750R16 - Hoa lớp: R288. - Xuất xứ: Châu Á.
19	Lớp 255/70R16	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Cỡ lớp: 255/70R16 - Hoa lớp: D684. - Xuất xứ: Châu Á.
20	Lớp 265/65R17	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Cỡ lớp: 265/65R17 - Hoa lớp: D684. - Xuất xứ: Châu Á.
21	Lớp 265/60R18	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Cỡ lớp: 265/60R18 - Hoa lớp: D684. - Xuất xứ: Châu Á.
22	Lớp 265/55R19	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Cỡ lớp: 265/55R19 - Hoa lớp: AT30. - Xuất xứ: G7.
23	Lớp 215/65R16C	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Cỡ lớp: 215/65R16C

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		- Hoa lớp: Agilis 3. - Xuất xứ: Châu Á.
24	Lốp 205/65R15	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Cỡ lốp: 205/65R15 - Hoa lớp: B390. - Xuất xứ: Châu Á.
25	Lốp 205/65R16	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Cỡ lốp: 205/65R16 - Hoa lớp: EP150. - Xuất xứ: Châu Á.
26	Lốp 225/55R18	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Cỡ lốp: 225/55R18 - Hoa lớp: EP850. - Xuất xứ: Châu Á.
27	Lốp 235/65R16	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Cỡ lốp: 235/65R16 - Hoa lớp: R630. - Xuất xứ: Châu Á.
28	Lốp 225/95R16C-8PR	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Cỡ lốp: 225/95R16C – 8PR - Hoa lớp: CLASSIC CL06. - Xuất xứ: Châu Á.
29	Lốp 315/80R22.5	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Cỡ lốp: 315/80R22.5 - Hoa lớp: MA01. - Xuất xứ: Châu Á.
30	Ắc quy (12V-60Ah)	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Loại: Ắc quy khô - Điện áp danh định: 12V - Dung lượng: 60Ah. - Xuất xứ: Châu Á.
31	Ắc quy (12V-70Ah)	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Loại: Ắc quy khô - Điện áp danh định: 12V - Dung lượng: 70Ah. - Xuất xứ: Châu Á.
32	Ắc quy (12V-80Ah)	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Loại: Ắc quy khô - Điện áp danh định: 12V - Dung lượng: 80Ah. - Xuất xứ: Châu Á.
33	Ắc quy (12V-100Ah)	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Loại: Ắc quy nước

Hạng mục số	Tên hàng hoá	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
		- Điện áp danh định: 12V - Dung lượng: 100Ah. - Xuất xứ: Châu Á.
34	Ắc quy (12V-150Ah)	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Loại: Ắc quy nước - Điện áp danh định: 12V - Dung lượng: 150Ah. - Xuất xứ: Châu Á.
35	Giá, cọc huấn luyện lái xe	<u>Tính năng kỹ thuật chính</u> - Vật liệu thép sơn tĩnh điện trắng, dán decal phản quang đỏ. - Chiều cao cọc: 2500 mm (tính từ mặt trên của đế lên đến đỉnh cọc). - Đường kính thân cọc: 50 mm. - Đế tam giác, độ cao: 100 mm. - Xuất xứ: Châu Á.

1.3. Các yêu cầu khác

a) Đối với hàng hóa nhập khẩu (không bao gồm lớp xe ô tô) phải có đầy đủ:

- Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), chứng nhận chất lượng (CQ) kèm theo bản dịch công chứng ra tiếng Việt;

- Tờ khai hải quan, phiếu đóng gói, vận đơn, hoá đơn thương mại đối với hàng hoá nhập khẩu trong vòng 12 tháng;

b) Đối với hàng hoá sản xuất trong nước: Phải có giấy xuất xưởng;

c) Đối với hàng hóa nhập khẩu là lớp xe ô tô: Phải có Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phụ tùng xe cơ giới nhập khẩu lớp xe ô tô.

d) Nhà thầu có cam kết thời gian sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót... kể từ khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư là: Có phản hồi hoặc đưa ra phương án xử lý trong vòng 24 giờ và nhà thầu phải khắc phục xong sự cố trong vòng 05 ngày.

e) Địa điểm bàn giao, nghiệm thu, kiểm tra, giám định: Hà Nội.

f) Địa điểm bàn giao lắp đặt, bảo hành: Hà Nội, Hải Phòng, Nghệ An, Đà Nẵng, Cà Mau, Hồ Chí Minh, Đồng Nai, An Giang cụ thể như sau:

TT	Vật tư, trang thiết bị	ĐVT	SL	Địa điểm bàn giao lắp đặt, bảo hành							
				Hà Nội	Hải Phòng	Nghệ An	Đà Nẵng	TPHCM	Đồng Nai	Cà Mau	Phú Quốc (AG)
1	Máy rửa xe áp lực cao bằng nước lạnh 3 pha	Cái	1	1							
2	Máy rửa xe áp lực cao bằng nước lạnh 1 pha	Cái	15	2	3	1	2	4	1	1	1

TT	Vật tư, trang thiết bị	ĐVT	SL	Địa điểm bàn giao lắp đặt, bảo hành							
				Hà Nội	Hải Phòng	Nghệ An	Đà Nẵng	TPHCM	Đồng Nai	Cà Mau	Phú Quốc (AG)
3	Máy nén khí cơ động loại dùng điện 1 pha	Cái	14	2	2	1	2	4	1	1	1
4	Máy nén khí 3 pha 15 bar/10HP không bao gồm máy sấy	Cái	1	1							
5	Thiết bị kiểm tra nền điện (<i>đánh lửa</i>)	Cái	12	4	2		2	3			1
6	Máy nạp ắc quy và hỗ trợ khởi động	Cái	10		1	1	2	4		1	1
7	Tủ đồ nghề chuyên dụng 585 chi tiết	Tủ	1					1			
8	Máy đo nồng độ cồn	Cái	14	3	1	1	2	4	1	1	1
9	Cuộn dây hơi tự rút	Cuộn	16	2	3	1	2	4	1	2	1
10	Máy bơm lốp cầm tay	Cái	18	4	3	1	2	4	1	2	1
11	Bộ dụng cụ sửa chữa (Thùng đồ nghề xách tay 108 chi tiết)	Bộ	12	2	3	1	1	2	1	1	1
12	Bộ sản phẩm sơn phủ bề mặt chuyên dụng cho xe ô tô màu xanh mờ 2K cao cấp dùng cho 25m ²	Bộ	50	4	10	2	10	14	2	2	6
13	Sơn lót chống gỉ màu ghi	Hộp	30	3	7	2	4	7	2	2	3
14	Sơn màu phủ Đen mờ	Hộp	20	3	4	1	3	5	1	1	2
15	Sơn màu phủ Trắng mờ	Hộp	20	3	4	1	3	5	1	1	2
16	Sơn nhũ chịu nhiệt 600 độ	Hộp	16	2	4	1	2	3	1	1	2
17	Lốp 7.00R16	Bộ	12	8							4
18	Lốp 7.50R16	Bộ	10		4		2				4
19	Lốp 255/70R16	Cái	12	4				4		4	
20	Lốp 265/65R17	Cái	4								4
21	Lốp 265/60R18	Cái	8	4				4			
22	Lốp 265/55R19	Cái	4	4							
23	Lốp 215/65R16C	Cái	6	2	2			2			
24	Lốp 205/65R15	Cái	8				4		2	2	
25	Lốp 205/65R16	Cái	8		4			4			
26	Lốp 225/55R18	Cái	4				4				
27	Lốp 235/65R16	Cái	12	8		4					
28	Lốp xe 225/95R16C-8PR	Cái	4								4

TT	Vật tư, trang thiết bị	ĐVT	SL	Địa điểm bàn giao lắp đặt, bảo hành							
				Hà Nội	Hải Phòng	Nghệ An	Đà Nẵng	TPHCM	Đồng Nai	Cà Mau	Phú Quốc (AG)
29	Lốp xe 315/80R22.5	Cái	6		6						
30	Ắc quy (12V-60Ah)	Bình	12	2	4	1	2	2		1	
31	Ắc quy (12V-70Ah)	Bình	8	2	2			2	1		1
32	Ắc quy (12V-80Ah)	Bình	8	1	2		2	2			1
33	Ắc quy (12V-100Ah)	Bình	10	2	3		2		1		2
34	Ắc quy (12V-150Ah)	Bình	8		2		2	2			2
35	Giá, cọc huấn luyện lái xe	Bộ	200		40		70	90			

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành: Các hàng hóa sẽ được kiểm tra an ninh, giám định chất lượng trước khi nghiệm thu, bàn giao theo quy định của Bộ Quốc phòng.

- Địa điểm kiểm tra, thử nghiệm: Kho Tổng hợp/Cục Kỹ thuật (Phường Hà Đông, Tp Hà Nội).

- Hồ sơ kèm theo để phục vụ giám định chất lượng hàng hóa gồm:

1. Hợp đồng mua bán;
2. Tờ khai hải quan của lô hàng (đối với hàng nhập khẩu dưới 12 tháng);
3. Vận đơn (Bill of lading) (đối với hàng nhập khẩu dưới 12 tháng);
4. Hóa đơn thương mại (Invoice) (đối với hàng nhập khẩu dưới 12 tháng);
5. Phiếu đóng gói (Packing list) (đối với hàng nhập khẩu dưới 12 tháng);
6. Chứng nhận xuất xứ của (C/O) do các cơ quan có thẩm quyền cấp; Chứng nhận chất lượng (C/Q) hoặc chứng chỉ phù hợp (C/C) kèm theo bản dịch công chứng ra tiếng Việt;
7. Chứng chỉ bảo hành (nếu có), chứng nhận thử nghiệm hàng hóa (nếu có);
8. Giấy xuất xưởng đối với hàng hoá có xuất xứ Việt Nam.
9. Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phụ tùng xe cơ giới nhập khẩu lắp xe ô tô.
10. Các tài liệu khác có liên quan.